

# Đầu nối ren khí NPQE-L-M7-Q4-F1A-P10

Số bộ phận: 8158777



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                        | Giá trị                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Kích thước                                      | Mini                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| Chiều rộng định mức                             | 2.3 mm                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Loại đệm kín trên ngông vặn vít                 | Vòng đệm                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| Vị trí lắp đặt                                  | bất kì                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Thiết kế                                        | Hình chữ L                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| Kích cỡ gói                                     | 10                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| Cấu trúc xây dựng                               | Nguyên tắc đẩy-kéo                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| Các biến thể                                    | Các kim loại có đồng, kẽm hoặc niken là thành phần chính không được phép sử dụng. Các trường hợp ngoại lệ là niken trong thép, bề mặt mạ niken hóa học, bảng mạch, dây dẫn, bộ kết nối và cuộn dây.                                                                                   |
| Áp suất vận hành của khoảng nhiệt độ hoàn chỉnh | -0.095 MPA...0.8 MPA<br>-0.95 bar...8 bar<br>-13.775 psi...116 psi                                                                                                                                                                                                                    |
| Môi chất vận hành                               | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                                                                                                                                                                                                                                                  |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển           | Có thể hoạt động bằng dầu                                                                                                                                                                                                                                                             |
| Lớp chống ăn mòn KBK                            | 1 - ứng suất ăn mòn thấp                                                                                                                                                                                                                                                              |
| Tuân thủ LABS                                   | VDMA24364 Vùng III                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion             | Sản phẩm tương ứng với định nghĩa sản phẩm nội bộ của Festo để sử dụng trong sản xuất pin: Các kim loại có hơn 1% trọng lượng là đồng, kẽm hoặc niken không được sử dụng. Các trường hợp ngoại lệ là niken trong thép, bề mặt mạ niken hóa học, bo mạch, cáp, bộ kết nối và cuộn dây. |
| Loại phòng sạch                                 | Loại 4 theo ISO 14644-1                                                                                                                                                                                                                                                               |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                  | -5 °C...60 °C                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| Mô-men xoắn thắt chặt danh nghĩa                | 2 N m                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| Khả năng chịu được mômen siết danh nghĩa        | ± 5 %                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| trọng lượng sản phẩm                            | 5.19 g                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Kiểu gắn                                        | Ổ cắm lục giác ngoài SW10                                                                                                                                                                                                                                                             |
| Cổng nối khí nén 1                              | Ren ngoài M7                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| Cổng nối khí nén 2                              | đối với ống mềm bên ngoài Ø 4 mm                                                                                                                                                                                                                                                      |
| Màu vòng nhà                                    | màu xanh dương                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| Ghi chú vật liệu                                | Tuân thủ RoHS                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| Vật liệu vỏ                                     | PBT<br>thép hợp kim cao không gỉ                                                                                                                                                                                                                                                      |

| Đặc tính                      | Giá trị                          |
|-------------------------------|----------------------------------|
| Vật liệu vòng bít ren         | NBR<br>thép không gỉ hợp kim cao |
| Vật liệu vòng nhả             | POM                              |
| Vật liệu vòng đệm chữ O       | NBR                              |
| Vật liệu vòng đệm kín ống mềm | NBR                              |
| Đoạn kẹp ống vật liệu         | thép không gỉ hợp kim cao        |